

Số: 960/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 18 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính
của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ các Nghị quyết của Chính phủ: Số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 ban hành chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020; số 76/NQ-CP ngày 13/6/2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Căn cứ Quyết định số 2948/QĐ-BNV ngày 28/12/2017 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”;

Căn cứ Quyết định số 3307/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 384/TTr-SNV ngày 06/4/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2080/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Đề án xây dựng Bộ Chỉ số theo dõi, đánh giá cải cách hành chính đối với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

Điều 3. Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc tổ chức, triển khai thực hiện Đề án này.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc sở, Thủ trưởng các ban, ngành có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *trng*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, NC *trng*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Diên
Nguyễn Hồng Diên

ĐỀ ÁN

**Xác định Chỉ số cải cách hành chính đối với
các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 960/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình).

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý:

- Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ ban hành chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020;
- Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ;
- Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;
- Quyết định số 2948/QĐ-BNV ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”;
- Quyết định số 3307/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Thái Bình giai đoạn 2016-2020.

2. Sự cần thiết xây dựng Đề án

Thực hiện Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành chương trình tổng thể cải cách hành chính (CCHC) nhà nước giai đoạn 2011-2020, Quyết định số 2948/QĐ-BNV ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Nội vụ; Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình đã ban hành Quyết định số 2080/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 về phê duyệt Đề án xây dựng Bộ Chỉ số theo dõi, đánh giá CCHC đối với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố. Đề án có 2 Bộ tiêu chí để theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố. Việc triển khai thực hiện Đề án góp phần đo lường, đánh giá một cách chính xác, khách quan và công bằng kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

Tuy nhiên, đến nay một số tiêu chí, tiêu chí thành phần và thang điểm đánh giá trong Bộ Chỉ số không còn phù hợp với tình hình thực tiễn triển khai CCHC ở các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố. Bên cạnh, đó có một số

tiêu chí, tiêu chí thành phần trong Bộ Chỉ số khó lượng hóa, khó kiểm chứng, chưa đánh giá một cách toàn diện kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC ở các cơ quan, đơn vị; hơn nữa, thời gian qua, có nhiều văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của các bộ, ngành Trung ương được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới, trong đó, đã bổ sung một số chỉ tiêu, nhiệm vụ liên quan đến công tác CCHC trong thời gian tới. Vì vậy, việc ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 2080/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Đề án xây dựng Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá CCHC đối với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố là cần thiết, nhằm tiếp tục phát huy những hiệu quả triển khai đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC, kịp thời đáp ứng nhu cầu thực tiễn đặt ra đối với công tác CCHC trong thời gian tới.

II. MỤC TIÊU, YÊU CẦU, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

1. Mục tiêu:

1.1. Mục tiêu chung: Xác định chỉ số CCHC để theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan, công bằng kết quả triển khai thực hiện CCHC hàng năm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020, Kế hoạch CCHC giai đoạn 2016-2020 và Kế hoạch CCHC hàng năm của tỉnh.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Xác định được các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC đối với sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố theo đặc điểm, tính chất quản lý nhà nước của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;

- Xác định được thang điểm, phương pháp đánh giá cho các tiêu chí, tiêu chí thành phần, từ đó xác định được kết quả CCHC của từng cơ quan, đơn vị;

- Xây dựng được Bộ câu hỏi điều tra xã hội học theo từng nhóm đối tượng điều tra, khảo sát;

- Hàng năm công bố kết quả CCHC của các cơ quan, đơn vị.

2. Yêu cầu:

- Chỉ số CCHC phải bám sát nội dung Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 và Quyết định số 2948/QĐ-BNV ngày 28/12/2017 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số CCHC của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”.

- Đảm bảo tính khả thi, phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế của các cơ quan, đơn vị và đánh giá thực chất, khách quan kết quả triển khai CCHC hàng năm ở các cơ quan, đơn vị.

- Tăng cường sự tham gia đánh giá của tổ chức, cá nhân đối với quá trình triển khai CCHC của các cơ quan, đơn vị.

3. Phạm vi và đối tượng:

- Phạm vi áp dụng: Theo dõi, đánh giá kết quả triển khai thực hiện CCHC hàng năm của các cơ quan, đơn vị.

- Đối tượng áp dụng: Các sở, ban, ngành (trừ Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh), Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh.

III. CÁC LĨNH VỰC, TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN, THANG ĐIỂM, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ VÀ KẾT QUẢ XẾP LOẠI

1. Chỉ số CCHC đối với các sở, ban, ngành

1.1. Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần: Chỉ số CCHC đối với các sở, ban, ngành được xác định trên 8 lĩnh vực, 35 tiêu chí, 46 tiêu chí thành phần, cụ thể là:

- Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC: 6 tiêu chí và 10 tiêu chí thành phần;
- Cải cách thể chế: 4 tiêu chí và 6 tiêu chí thành phần;
- Cải cách thủ tục hành chính: 2 tiêu chí và 10 tiêu chí thành phần;
- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính: 8 tiêu chí và 6 tiêu chí thành phần;
- Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: 6 tiêu chí và 8 tiêu chí thành phần;
- Cải cách tài chính công: 4 tiêu chí và 4 tiêu chí thành phần;
- Hiện đại hóa nền hành chính: 2 tiêu chí và 2 tiêu chí thành phần;
- Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông: 3 tiêu chí.

Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC đối với các sở, ban, ngành được quy định cụ thể tại Bảng 1 (có kèm theo văn bản này).

1.2. Thang điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá là 100;
- Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học là 24/100;

Thang điểm đánh giá được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần tại Bảng 1.

2. Chỉ số CCHC đối với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

1.1. Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần: Chỉ số CCHC đối với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố được xác định trên 8 lĩnh vực, 38 tiêu chí, 56 tiêu chí thành phần, cụ thể là:

- Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC: 6 tiêu chí và 9 tiêu chí thành phần;
- Cải cách thể chế: 4 tiêu chí và 9 tiêu chí thành phần;
- Cải cách thủ tục hành chính: 4 tiêu chí và 10 tiêu chí thành phần;
- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính: 7 tiêu chí và 6 tiêu chí thành phần;
- Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: 7 tiêu chí và 10 tiêu chí thành phần;

- Cải cách tài chính công: 4 tiêu chí và 4 tiêu chí thành phần;
- Hiện đại hóa nền hành chính: 2 tiêu chí và 3 tiêu chí thành phần;
- Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông: 4 tiêu chí và 5 tiêu chí thành phần;

Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC đối với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố được quy định cụ thể tại Bảng 2 (có kèm theo văn bản này).

1.2. Thang điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá là 100;
- Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học là 20/100;

Thang điểm đánh giá được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần tại Bảng 2.

3. Phương pháp đánh giá:

- Tự đánh giá của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố: Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện CCHC của đơn vị, địa phương mình theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định theo Bảng 1, Bảng 2 và hướng dẫn của Sở Nội vụ. Điểm các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tự đánh giá được thể hiện tại cột “Tự đánh giá” của Bảng 1 và Bảng 2.

- Đánh giá thông qua điều tra xã hội học: Số tiêu chí, tiêu chí thành phần đánh giá qua điều tra xã hội học đối với các sở, ban, ngành là 11, đối với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố là 13, được thể hiện tại cột “Ghi chú” và các dòng có chữ viết tắt “ĐTXHH” của Bảng 1 và Bảng 2. Việc điều tra xã hội học được tiến hành lấy ý kiến đánh giá của các nhóm đối tượng khác nhau.

- Điểm tự đánh giá của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố sẽ được Hội đồng Thẩm định xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh nếu cần thiết. Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học là điểm do Sở Nội vụ thực hiện.

- Điểm cộng:

+ Trong năm có tổ chức các hoạt động thuộc phạm vi chức trách, nhiệm vụ liên quan đến CCHC như: Hội thảo, đối thoại... với tổ chức, công dân trong giải quyết thủ tục hành chính: Cộng 2 điểm.

+ Tổ chức tự đánh giá, chấm điểm chặt chẽ, chính xác và báo cáo về Sở Nội vụ đúng thời gian quy định: Cộng 2 điểm.

- Điểm trừ:

+ Không hoàn thành nhiệm vụ CCHC mà Ủy ban nhân dân tỉnh giao trong Kế hoạch CCHC của tỉnh hàng năm: Trừ 2 điểm.

+ Có cán bộ từ Trưởng, phó phòng trở lên bị kỷ luật: Trừ 2 điểm.

+ Đề Ủy ban nhân dân tỉnh nhắc nhở, phê bình bằng văn bản trong thực hiện công vụ: Trừ 2 điểm.

+ Có đơn thư tố cáo, kiến nghị, ý kiến góp ý hay tin, bài trên các phương tiện thông tin đại chúng về thái độ, hành vi gây phiền hà, nhũng nhiễu của cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị mà được cơ quan có thẩm quyền, qua xác minh nội dung phản ánh là đúng sự thật: Trừ 2 điểm

Tổng điểm qua điều tra xã hội học, điểm Hội đồng Thẩm định đánh giá và điểm cộng hoặc điểm trừ là “Điểm đạt được”. Chỉ số CCHC được xác định bằng tỷ lệ % giữa “Tổng điểm đạt được” và “Tổng điểm tối đa” (100 điểm).

4. Kết quả xếp loại:

- Xếp loại Tốt: Điểm tổng cộng đạt từ 90 đến 100 điểm.
- Xếp loại Khá: Điểm tổng cộng đạt từ 80 đến dưới 90 điểm.
- Xếp loại Trung bình: Điểm tổng cộng đạt từ 60 đến dưới 80 điểm.
- Xếp loại Chưa đạt yêu cầu: Điểm tổng cộng đạt dưới 60 điểm.

Không xem xét khen thưởng đối với những cơ quan, đơn vị, địa phương xếp loại Chưa đạt yêu cầu (kể cả cơ quan, đơn vị, địa phương đạt thành tích xuất sắc trong công tác).

IV. GIẢI PHÁP

1. Nâng cao trách nhiệm và hiệu quả chỉ đạo điều hành của các cơ quan, đơn vị đối với việc theo dõi, đánh giá CCHC:

- Các cơ quan, đơn vị thực hiện các nội dung CCHC một cách nghiêm túc, có hiệu quả theo kế hoạch CCHC hàng năm đã đề ra.

- Chỉ đạo việc thực hiện công tác theo dõi, đánh giá CCHC một cách thường xuyên, liên tục, đảm bảo trung thực, khách quan trong việc tổng hợp, thống kê, đánh giá, báo cáo kết quả CCHC.

2. Tăng cường công tác tuyên truyền về Chỉ số CCHC:

Tuyên truyền, phổ biến mục tiêu, nội dung của Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá CCHC nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và tăng cường sự tham gia, phối hợp của các cơ quan, đơn vị và cá nhân trong quá trình theo dõi, đánh giá kết quả triển khai CCHC hàng năm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố. Các hình thức tuyên truyền:

- Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân về mục tiêu, ý nghĩa của Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá CCHC.

- Các hình thức tuyên truyền khác: Thông qua Hội nghị giao ban, các lớp tập huấn v.v...

3. Bố trí công chức thực hiện công tác theo dõi, đánh giá CCHC tại các cơ quan, đơn vị:

- Các sở, ban, ngành: Phân công nhiệm vụ cho công chức chuyên trách CCHC thực hiện công tác theo dõi, đánh giá CCHC của sở, ban, ngành; chủ trì các

nội dung CCHC theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp tình hình, kết quả triển khai CCHC đối với lĩnh vực được giao phụ trách để hàng năm phối hợp với Sở Nội vụ trong việc thẩm định, đánh giá kết quả triển khai CCHC của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

- Các huyện, thành phố: Phân công nhiệm vụ cho công chức chuyên trách CCHC tại phòng Nội vụ thực hiện công tác theo dõi, đánh giá CCHC của huyện, thành phố. Tại cấp xã phân công nhiệm vụ cho công chức thực hiện theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai CCHC của xã để báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, thành phố theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm thực hiện:

1.1. Sở Nội vụ:

- Xây dựng văn bản hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố triển khai các nội dung công việc theo dõi, đánh giá CCHC;

- Theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trong quá trình triển khai thực hiện;

- Xác định nhóm đối tượng, quy mô mẫu phiếu điều tra xã hội học;

- Xây dựng bộ câu hỏi điều tra xã hội học và chủ trì tổ chức điều tra xã hội học;

- Tổng hợp, xử lý số liệu để đánh giá kết quả CCHC và xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả CCHC của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;

- Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định kết quả CCHC hàng năm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; thành phần Hội đồng gồm lãnh đạo các Sở, ngành: Nội vụ, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố kết quả CCHC hàng năm.

1.2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Triển khai việc theo dõi, đánh giá CCHC trong phạm vi trách nhiệm của mình theo hướng dẫn của Sở Nội vụ;

- Tổng hợp số liệu, xây dựng báo cáo kết quả CCHC theo hướng dẫn của Sở Nội vụ;

- Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc tổ chức điều tra xã hội học để đánh giá kết quả CCHC;

- Các sở, ngành: Tư pháp, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Sở Nội vụ trong việc theo dõi, đánh giá kết quả CCHC đối với từng lĩnh vực CCHC theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ vào Chỉ số xác định CCHC của tỉnh xây dựng và đưa vào triển khai công tác theo dõi, đánh giá CCHC áp dụng

trong nội bộ huyện, thành phố đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế và đồng bộ, thống nhất trong công tác theo dõi, đánh giá CCHC.

- Tăng cường công tác tuyên truyền về Chỉ số CCHC để nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân.

2. Tiến độ thực hiện: Triển khai thực hiện việc theo dõi, đánh giá và xác định chỉ số CCHC từ năm 2018.

3. Kinh phí thực hiện:

- Kinh phí triển khai thực hiện được đảm bảo bằng ngân sách của tỉnh.

- Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cho công tác theo dõi, đánh giá CCHC hàng năm thực hiện theo hướng dẫn của Sở Tài chính

Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc đề nghị các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết. /*raup*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Diên

BẢNG 2
CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra	Điểm tự	Điểm thăm		
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	17					
1.1	Xây dựng Kế hoạch Cải cách hành chính hàng năm	3					
1.1.1	Ban hành kế hoạch Cải cách hành chính năm	1					
	<i>Ban hành kịp thời trong tháng 1 của năm kế hoạch: 1</i>						
	<i>Không ban hành hoặc ban hành không kịp thời: 0</i>						
1.1.2	Mức độ hoàn thành Kế hoạch Cải cách hành chính	2					
	<i>Hoàn thành từ 90% - 100% kế hoạch thì điểm được đánh giá theo công thức:</i> $\frac{\text{(Tỷ lệ hoàn thành)} \times 2}{100\%}$						
	<i>Hoàn thành dưới 90% kế hoạch: 0</i>						
1.2	Báo cáo cải cách hành chính	2					
1.2.1	Số lượng báo cáo (báo cáo quý I, quý III, báo cáo 6 tháng và báo cáo năm)	1					
	<i>Đủ số lượng báo cáo: 1</i>						
	<i>Không đủ số lượng báo cáo (cứ thiếu mỗi báo cáo trừ 0,5 điểm)</i>						
1.2.2	Tất cả báo cáo đầy đủ nội dung theo hướng dẫn, gửi đúng thời gian theo quy định	1					
	<i>Đầy đủ nội dung, đúng thời gian theo quy định: 1</i>						
	<i>Đầy đủ nội dung nhưng không đúng thời gian theo quy định hoặc không đầy đủ nội dung nhưng đúng thời gian theo quy định: 0.5</i>						
	<i>Không đầy đủ nội dung, Không đúng thời gian quy định: 0</i>						
1.3	Kiểm tra công tác cải cách hành chính	3					
1.3.1	Tỷ lệ các phòng, ban, đơn vị trực thuộc và đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp xã được kiểm tra trong năm	2					
	<i>Từ 30% số cơ quan, đơn vị trở lên: 2</i>						
	<i>Từ 20% - dưới 30% số cơ quan, đơn vị: 1</i>						
	<i>Dưới 20% số cơ quan, đơn vị: 0</i>						
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1					

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra	Điểm tự	Điểm thăm		
	Từ 70% - 100% các vấn đề được xử lý thì điểm được đánh giá theo công thức: <i>(Tỷ lệ số vấn đề phát hiện được xử lý) x 1</i> 100%						
	Dưới 70% vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0						
1.4	Công tác tuyên truyền cải cách hành chính	2					
	Tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng: 1 Các hình thức tuyên truyền khác: 1						
1.5	Những giải pháp về chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo đơn vị trong thực hiện cải cách hành chính	5					
1.5.1	Có những sáng kiến, giải pháp mới thực hiện các nội dung cải cách hành chính đã được triển khai và mang lại hiệu quả trong thực tế Có sáng kiến, giải pháp mới: 1 Không có giải pháp, cách làm mới: 0	1					
1.5.2	Chất lượng các văn bản chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính	2					ĐTXHH
1.5.3	Công tác chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính	2					ĐTXHH
1.6	Thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao	2					
	Hoàn thành đúng tiến độ 100% số nhiệm vụ được giao trong năm: 2 Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao nhưng có nhiệm vụ hoàn thành muộn so với tiến độ: 1 Hoàn thành dưới 100% số nhiệm vụ được giao trong năm: 0 Đúng trình tự, thủ tục: 1 Không đúng trình tự, thủ tục: 0						
2	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	12					
2.1	Xây dựng Văn bản Quy phạm pháp luật	5					
2.1.1	Xây dựng, ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của HĐND, UBND huyện, thành phố theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật Đúng trình tự, thủ tục: 1 Không đúng trình tự, thủ tục: 0	1					
2.1.2	Mức độ phù hợp, tính khả thi, hiệu quả của văn bản Quy phạm pháp luật	2					ĐTXHH
2.1.3	Tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện văn bản Quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước	2					ĐTXHH

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chi số	Ghi chú
			Điều tra	Điểm tự	Điểm thăm		
2.2	Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)	2					
2.2.1	Thực hiện các hoạt động về TDTHPL	1					
	<i>Có báo cáo kết quả thực hiện: 1</i>						
	<i>Không có báo cáo kết quả thực hiện: 0</i>						
2.2.2	Xử lý kết quả TDTHPL	1					
	<i>Ban hành đầy đủ các văn bản xử lý/kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 1</i>						
	<i>Không ban hành đầy đủ các văn bản xử lý/kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 0</i>						
2.3	Xử lý VBQPPL sau rà soát	1					
	<i>Từ 70% - 100% các vấn đề được xử lý thì điểm được đánh giá theo công thức: (Tỷ lệ số vấn đề phát hiện được xử lý) x 1</i>						
	100%						
	<i>Dưới 70% vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>						
2.4	Tổ chức và kiểm tra việc thực hiện văn bản Quy phạm pháp luật	4					
2.4.1	Tổ chức triển khai thực hiện văn bản Quy phạm pháp luật do Trung ương, bộ, tỉnh ban hành	1					
	<i>100% số văn bản Quy phạm pháp luật được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 1</i>						
	<i>Không triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 0</i>						
2.4.2	Ban hành kế hoạch kiểm tra việc thực hiện văn bản Quy phạm pháp luật	1					
	<i>Có ban hành: 1</i>						
	<i>Không ban hành: 0</i>						
2.4.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch kiểm tra	1					
	<i>Hoàn thành kế hoạch: 1</i>						
	<i>Không hoàn thành kế hoạch: 0</i>						
2.4.4	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1					
	<i>Tất cả các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>						
	<i>Không xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>						
3	CÁI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	10					
3.1	Rà soát thủ tục hành chính	4					

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chi số	Ghi chú
			Điều tra	Điểm tự	Điểm thăm		
3.1.1	Rà soát, phát hiện các quy định về thủ tục hành chính chưa được công bố hoặc có sự khác biệt giữa nội dung công bố với văn bản quy phạm pháp luật về thủ tục hành chính kịp thời kiến nghị cấp có thẩm quyền công bố sửa đổi, bổ sung <i>Phát hiện, kiến nghị kịp thời: 1</i> <i>Phát hiện, kiến nghị không kịp thời: 0</i>	1					
3.1.2	Thực hiện theo đúng nội dung các quy định thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh công bố <i>Thực hiện đúng theo nội dung đã được công bố: 1</i> <i>Thực hiện không đúng: 0</i>	1					
3.1.3	Kiểm tra việc kiểm soát thủ tục hành chính tại đơn vị, địa phương thuộc địa bàn quản lý <i>Có kiểm tra việc kiểm soát thủ tục hành chính, việc chấp hành các quy định về thủ tục hành chính, thái độ của công chức, viên chức khi giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân tổ chức: 1</i> <i>Không kiểm tra theo các nội dung trên: 0</i>	1					
3.1.4	Ban hành và thực hiện kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính hàng năm <i>Ban hành kịp thời, thực hiện đầy đủ các nội dung trong kế hoạch: 1</i> <i>Ban hành không kịp thời hoặc không ban hành, thực hiện không đầy đủ: 0</i>	1					
3.2	Công khai thủ tục hành chính	2					
3.2.1	Niêm yết công khai thủ tục hành chính tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện <i>Có bảng biểu niêm yết công khai đầy đủ, kịp thời thủ tục hành chính: 1</i> <i>Không có bảng biểu hoặc niêm yết không đầy đủ thủ tục hành chính: 0</i>	1					
3.2.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã niêm yết công khai đầy đủ, đúng quy định thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả <i>100% số đơn vị: 1</i> <i>Dưới 100% số đơn vị: 0</i>	1					
3.3	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức	2					
3.3.1	Thực hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện, thành phố <i>Thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 1</i> <i>Không thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 0</i>	1					

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra	Điểm tự	Điểm thẩm		
3.3.2	Xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện, thành phố	1					
	Tất cả các phản ánh, kiến nghị đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý kịp thời, đúng quy định: 1						
	Không xử lý, kiến nghị xử lý hoặc xử lý, kiến nghị xử lý không kịp thời: 0						
3.4	Báo cáo tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	2					
3.4.1	Số lượng báo cáo	1					
	Đủ số lượng báo cáo: 1						
	Không đủ số lượng báo cáo: 0						
3.4.2	Tất cả báo cáo đầy đủ nội dung theo hướng dẫn, gửi đúng thời gian theo quy định	1					
	Đầy đủ nội dung, đúng thời gian quy định: 1						
	Đầy đủ nội dung nhưng không đúng thời gian quy định hoặc không đầy đủ nội dung nhưng đúng thời gian quy định: 0.5						
	Không đầy đủ nội dung, không đúng thời gian theo quy định: 0						
4	CÁI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	14					
4.1	Tuân thủ các quy định của Chính phủ, Bộ và của tỉnh về tổ chức bộ máy	1					
	Thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định: 1						
	Không thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định: 0						
4.2	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn thuộc UBND huyện, thành phố	2					ĐTXHH
4.3	Kết quả thực hiện quy chế làm việc của UBND huyện, thành phố	2					ĐTXHH
4.4	Xây dựng kế hoạch công tác hàng tháng của từng phòng, ban chuyên môn	1					
	Có xây dựng: 1	1					
	Không xây dựng: 0						
4.5	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao	4					
4.5.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	1					
	Sử dụng không vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: 1						
	Sử dụng vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: 0						
4.5.2	Thực hiện quy định về số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện	1					
	Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao: 1						
	Sử dụng vượt quá số lượng người làm việc được giao: 0						

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra	Điểm tự	Điểm thăm		
4.5.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch tinh giản biên chế đã được phê duyệt <i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 2</i> <i>Hoàn thành dưới 100% kế hoạch: 0</i>	2					
4.6	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các phòng, ban, đơn vị <i>Số lượng cấp phó của người đứng đầu các phòng thuộc UBND huyện không quá 03 người: 1</i> <i>Số lượng cấp phó của người đứng đầu các phòng thuộc UBND huyện vượt quá 03 người: 0</i>	1					
4.7	Thực hiện phân cấp quản lý	3					
4.7.1	Triển khai và thực hiện đầy đủ các nội dung quy định về phân cấp quản lý do tỉnh ban hành <i>Triển khai, thực hiện đầy đủ các quy định về phân cấp: 1</i> <i>Không triển khai hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định về phân cấp: 0</i>	1					
4.7.2	Kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp thuộc phạm vi quản lý nhà nước của UBND cấp huyện <i>Có báo cáo đánh giá: 1</i> <i>Không có báo cáo đánh giá: 0</i>	1					
4.7.3	Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra, đánh giá <i>Không có sai phạm nào qua kiểm tra hoặc 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i> <i>Từ 80% đến dưới 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.5</i> <i>Từ dưới 80% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>	1					
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	17					
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	2					
5.1.1	Mức độ thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt <i>100% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 2</i> <i>Từ 80% - dưới 100% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 1,5</i>	2					

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra	Điểm tự	Điểm thăm		
	Từ 60% - dưới 80% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 1						
	Dưới 60% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 0						
5.2	Tuyển dụng và bố trí sử dụng công chức, viên chức	3					
5.2.1	Thực hiện đúng quy định về tuyển dụng viên chức	1					
	Đúng quy định: 1						
	Không đúng quy định: 0						
5.2.2	Tỷ lệ các phòng, ban, đơn vị thuộc huyện thực hiện bố trí công chức, viên chức theo đúng quy định của vị trí việc làm, ngạch công chức và chức danh nghề nghiệp	2					
	100% số cơ quan, đơn vị: 2						
	Từ 80% - dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 1,5						
	Từ 60% - dưới 80% số cơ quan, đơn vị: 1						
	Dưới 60% số cơ quan, đơn vị: 0						
5.3	Thực hiện quy định về bổ nhiệm lãnh đạo phòng, ban, đơn vị thuộc UBND cấp huyện	1					
	100% lãnh đạo phòng, ban, đơn vị được bổ nhiệm đúng quy định: 1						
	Có lãnh đạo phòng, ban, đơn vị được bổ nhiệm không đúng quy định: 0						
5.4	Công tác đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức	2					
5.4.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	1					
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1						
	Dưới 100% kế hoạch: 0						
5.4.2	Thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức	1					
	Thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị; không để xảy ra khiếu nại, kiến nghị liên quan đến chế độ, chính sách: 1						
	Thực hiện chưa đầy đủ các chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị: 0,5						
	Thực hiện không đúng hoặc để xảy ra khiếu nại, kiến nghị liên quan đến chế độ, chính sách: 0						
5.5	Kết quả đánh giá cán bộ, công chức, viên chức	2					

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra	Điểm tự	Điểm thẩm		
	<i>100% cán bộ, công chức, viên chức được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ: 2</i>						
	<i>Từ 80% - dưới 100% cán bộ, công chức, viên chức được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ và không có cán bộ, công chức không hoàn thành nhiệm vụ: 1</i>						
	<i>Dưới 80% cán bộ, công chức, viên chức được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hoặc có cán bộ, công chức không hoàn thành nhiệm vụ: 0</i>						
5.6	Chất lượng công chức, viên chức	3					
5.6.1	Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của công chức, viên chức	1					ĐTXHH
5.6.2	Tinh thần trách nhiệm đối với công việc của công chức, viên chức	1					ĐTXHH
5.6.3	Thái độ phục vụ của công chức, viên chức	1					ĐTXHH
5.7	Cán bộ, công chức cấp xã	4					
5.7.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	2					
	<i>100% công chức cấp xã đạt chuẩn: 2</i>						
	<i>Từ 90% - dưới 100% công chức cấp xã đạt chuẩn: 1</i>						
	<i>Dưới 90% công chức cấp xã đạt chuẩn: 0</i>						
5.7.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	2					
	<i>100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 2</i>						
	<i>Từ 80% - dưới 100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 1</i>						
	<i>Dưới 80% cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0</i>						
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	7					
6.1	Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính	2					
6.1.1	Xây dựng, sửa đổi, bổ sung và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý, sử dụng tài sản công	1					
	<i>Xây dựng, sửa đổi, bổ sung và thực hiện quy chế đúng quy định: 1</i>						
	<i>Không xây dựng, không sửa đổi, bổ sung hoặc không thực hiện quy chế đúng quy định: 0</i>						
6.1.2	Công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công theo quy định	1					
	<i>Thực hiện công khai minh bạch theo đúng quy định: 1</i>						
	<i>Không công khai minh bạch hoặc công khai, minh bạch không đúng quy định: 0</i>						
6.2	Tác động của việc thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại huyện, thành phố	2					ĐTXHH

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra	Điểm tự	Điểm thẩm		
6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	2					
6.3.1	Tỷ lệ số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc triển khai thực hiện cơ chế <i>100% số đơn vị: 1</i> <i>Dưới 100% số đơn vị: 0</i>	1					
6.3.2	Tỷ lệ số đơn vị sự nghiệp trực thuộc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công <i>100% số đơn vị: 1</i> <i>Từ 80%-dưới 100% số đơn vị: 0,5</i> <i>Dưới 80% số đơn vị: 0</i>	1					
6.4	Tỷ lệ đơn vị SNCL thực hiện đúng quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm <i>100% số đơn vị SNCL thực hiện đúng quy định: 1</i> <i>Dưới 100% số đơn vị: 0</i>	1					
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	16					
7.1	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của UBND cấp huyện	13					Các đơn vị không tự chấm nội dung này, việc chấm điểm căn cứ kết quả đánh giá, xếp hạng theo Bộ tiêu chí về ứng dụng CNTT của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh
7.2	Áp dụng ISO trong hoạt động	3					
7.2.1	Công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo TCVN ISO 9001 <i>Đã công bố theo quy định: 1</i> <i>Chưa công bố: 0</i>	1					
7.2.2	Duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001 trong hoạt <i>Duy trì, cải tiến đầy đủ, đúng quy định: 1</i> <i>Duy trì, cải tiến nhưng chưa đầy đủ, đúng quy định: 0.5</i>	1					

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra	Điểm tự	Điểm thăm		
	<i>Không duy trì, cải tiến: 0</i>						
7.2.3	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã công bố ISO 9001 theo quy định	1					
	<i>Từ 50% trở lên: 1</i>						
	<i>Từ 25% - dưới 50%: 0,5</i>						
	<i>Dưới 25%: 0</i>						
8	THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG	7					
8.1	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã ban hành Quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1					
	<i>100% số đơn vị ban hành: 1</i>						
	<i>Dưới 100% số đơn vị ban hành: 0</i>						
8.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã bố trí phòng làm việc riêng cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1					
	<i>Trên 80% số đơn vị bố trí: 1</i>						
	<i>Từ 50% - dưới 80% số đơn vị bố trí: 0,5</i>						
	<i>Dưới 50% số đơn vị bố trí: 0</i>						
8.3	Tỷ lệ TTHC được giải quyết đúng hạn theo quy định	2					
8.3.1	Tỷ lệ TTHC thuộc UBND cấp huyện được giải quyết đúng hạn theo quy định	1					
	<i>95%-100% TTHC được giải quyết đúng hạn thì điểm tính theo công thức: (Tỷ lệ TTHC giải quyết đúng hạn) x 1</i>						
	<hr/> 100% <hr/>						
	<i>Dưới 95% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0</i>						
8.3.2	Tỷ lệ TTHC thuộc UBND cấp xã được giải quyết đúng hạn theo quy định	1					
	<i>95%-100% TTHC được giải quyết đúng hạn thì điểm tính theo công thức: (Tỷ lệ TTHC giải quyết đúng hạn) x 1</i>						
	<hr/> 100% <hr/>						
	<i>Dưới 95% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0</i>						
8.4	Chất lượng phục vụ tại Trung tâm Hành chính công	3					
8.4.1	Thái độ phục vụ của công chức tại Trung tâm Hành chính công	1					ĐTXHH
8.4.2	Thời gian giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Hành chính công	1					ĐTXHH

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra	Điểm tự	Điểm thăm		
8.4.3	Chất lượng giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Hành chính công	1					ĐTXHH
	Cộng	100					

BẢNG 1
CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định		
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	17					
1.1	Xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm	3					
1.1.1	Ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm	1					
	<i>Ban hành kịp thời trong tháng 1 của năm kế hoạch: 1</i>						
	<i>Không ban hành hoặc ban hành không đúng thời gian quy định: 0</i>						
1.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch cải cách hành chính	2					
	<i>Hoàn thành từ 90% - 100% kế hoạch thì điểm được đánh giá theo công thức:</i> $\frac{\text{(Tỷ lệ hoàn thành)} \times 2}{100\%}$						
	<i>Hoàn thành dưới 90% kế hoạch: 0</i>						
1.2	Báo cáo cải cách hành chính	2					
1.2.1	Số lượng báo cáo (báo cáo quý I, quý III, báo cáo 6 tháng và báo cáo năm)	1					
	<i>Đủ số lượng báo cáo: 1</i>						
	<i>Không đủ số lượng báo cáo (cứ thiếu mỗi báo cáo trừ 0.5 điểm)</i>						
1.2.2	Tất cả báo cáo đầy đủ nội dung theo hướng dẫn, gửi đúng thời gian theo quy định	1					
	<i>Đầy đủ nội dung, đúng thời gian theo quy định: 1</i>						
	<i>Đầy đủ nội dung nhưng không đúng thời gian theo quy định hoặc không đầy đủ nội dung nhưng đúng thời gian theo quy định: 0.5</i>						
	<i>Không đầy đủ nội dung, không đúng thời gian quy định: 0</i>						
1.3	Kiểm tra công tác cải cách hành chính	3					

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định		
	<i>Có kế hoạch kiểm tra: 1</i>						
	<i>Không có kế hoạch kiểm tra: 0</i>						
1.3.2	Tổ chức kiểm tra	1					
	<i>Có kiểm tra (thể hiện qua biên bản, thông báo, kết luận kiểm tra): 1</i>						
	<i>Không kiểm tra: 0</i>						
1.3.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1					
	<i>Có kết luận hoặc biện pháp xử lý sau kiểm tra: 1</i>						
	<i>Không có kết luận hoặc biện pháp xử lý sau kiểm tra: 0</i>						
1.4	Công tác tuyên truyền cải cách hành chính	2					
	<i>Tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng: 1</i>						
	<i>Các hình thức tuyên truyền khác: 1</i>						
1.5	Những giải pháp về chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo đơn vị trong thực hiện cải cách hành chính	5					
1.5.1	Có những sáng kiến, giải pháp mới thực hiện các nội dung cải cách hành chính đã được triển khai và mang lại hiệu quả trong thực tế	1					
	<i>Có sáng kiến, giải pháp mới: 1</i>						
	<i>Không có giải pháp, cách làm mới: 0</i>						
1.5.2	Chất lượng các văn bản chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính	2					ĐTXHH
1.5.3	Công tác chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính	2					ĐTXHH
1.6	Thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao	2					
	<i>Hoàn thành đúng tiến độ 100% số nhiệm vụ được giao trong năm: 2</i>						
	<i>Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao nhưng có nhiệm vụ hoàn thành muộn so với tiến độ: 1</i>						
	<i>Hoàn thành dưới 100% số nhiệm vụ được giao trong năm: 0</i>						
2	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	12					
2.1	Tổ chức triển khai thực hiện văn bản Quy phạm pháp luật do Chính phủ, bộ ban hành thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị	1					
	<i>100% số văn bản Quy phạm pháp luật được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 1</i>						

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định		
	<i>Dưới 100% số văn bản Quy phạm pháp luật được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 0</i>						
2.2	Kiểm tra Văn bản Quy phạm pháp luật	6					
2.2.1	Mức độ phù hợp, tính khả thi, hiệu quả của văn bản quy phạm pháp luật	2					ĐTXHH
2.2.2	Tính kịp thời trong việc tổ chức triển khai các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở	2					ĐTXHH
2.2.3	Tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện Văn bản Quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước	2					ĐTXHH
2.3	Rà soát văn bản Quy phạm pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực	2					
2.3.1	Thực hiện rà soát văn bản Quy phạm pháp luật	1					
	<i>Thực hiện kịp thời ngay sau khi có sự thay đổi về cơ sở pháp lý của văn bản Quy phạm pháp luật đối với lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của đơn vị: 1</i>						
	<i>Thực hiện không kịp thời hoặc không thực hiện việc rà soát, hệ thống hóa ngay sau khi có sự thay đổi về cơ sở pháp lý của văn bản Quy phạm pháp luật đối với lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của đơn vị: 0</i>						
2.3.2	Xử lý kết quả rà soát	1					
	<i>Từ 70% - 100% các vấn đề được xử lý thì điểm được đánh giá theo công thức: $\frac{\text{Tỷ lệ số VB đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý}}{100\%} \times 1$</i>						
	<i>Dưới 70% các vấn đề được xử lý: 0</i>						
2.4	Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở	3					
2.4.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch thanh tra	2					
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 2</i>						
	<i>Hoàn thành từ 80%-dưới 100% kế hoạch: 1</i>						
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0</i>						
2.4.2	Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra	1					
	<i>Đúng quy định: 1</i>						

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định		
	<i>Không đúng quy định: 0</i>						
3	CÁI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	11					
3.1	Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính	9					
3.1.1	Đánh giá tác động thủ tục hành chính trong các dự thảo văn bản Quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính	1					
	<i>Thực hiện đánh giá tác động đầy đủ: 1</i>						
	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện đánh giá không đầy đủ: 0</i>						
3.1.2	Cập nhật, công bố thủ tục hành chính theo quy định	1					
	<i>Cập nhật, trình UBND tỉnh công bố đầy đủ, kịp thời thủ tục hành chính theo quy định tại các văn bản Quy phạm pháp luật của Trung ương và của tỉnh mới ban hành theo ngành, lĩnh vực quản lý: 1</i>						
	<i>Cập nhật, trình UBND tỉnh công bố nhưng không đầy đủ hoặc không kịp thời thủ tục hành chính theo quy định tại các văn bản Quy phạm pháp luật của Trung ương và của tỉnh mới ban hành: 0.5</i>						
	<i>Không cập nhật, công bố thủ tục hành chính: 0</i>						
3.1.3	Thực hiện theo đúng nội dung các quy định thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh công bố	1					
	<i>Thực hiện đúng theo nội dung đã được công bố: 1</i>						
	<i>Thực hiện không đúng: 0</i>						
3.1.4	Kiểm tra việc kiểm soát thủ tục hành chính tại cơ quan, đơn vị	1					
	<i>Có kiểm tra việc kiểm soát thủ tục hành chính, việc chấp hành các quy định về thủ tục hành chính, thái độ của công chức, viên chức khi giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân tổ chức: 1</i>						
	<i>Không kiểm tra theo các nội dung trên: 0</i>						
3.1.5	Ban hành và thực hiện kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính hàng năm của cơ quan, đơn vị	1					
	<i>Ban hành kịp thời, thực hiện đầy đủ các nội dung trong kế hoạch: 1</i>						
	<i>Ban hành không kịp thời hoặc không ban hành, thực hiện không đầy đủ: 0</i>						

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định		
3.1.6	Thực hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở <i>Thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 2</i> <i>Không thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 0</i>	2					
3.1.7	Xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở <i>Tất cả các phản ánh, kiến nghị đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý kịp thời: 1</i> <i>Không xử lý hoặc xử lý không kịp thời: 0</i>	1					
3.1.8	Niên yết, công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại Trung tâm hành chính công tỉnh <i>Niên yết đầy đủ, kịp thời: 1</i> <i>Niên yết không đầy đủ hoặc không kịp thời: 0</i>	1					
3.2	Báo cáo tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	2					
3.2.1	Số lượng báo cáo <i>Đủ số lượng báo cáo: 1</i> <i>Không đủ số lượng báo cáo: 0</i>	1					
3.2.2	Tất cả báo cáo đầy đủ nội dung theo hướng dẫn, gửi đúng thời gian theo quy định <i>Đầy đủ nội dung, đúng thời gian quy định: 1</i> <i>Đầy đủ nội dung nhưng không đúng thời gian quy định hoặc không đầy đủ nội dung nhưng đúng thời gian quy định: 0.5</i> <i>Không đầy đủ nội dung, không đúng thời gian theo quy định: 0</i>	1					
4	CÁI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	16					
4.1	Tuân thủ các quy định của Chính phủ, Bộ và của tỉnh về tổ chức bộ máy <i>Thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định: 1</i> <i>Không thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định: 0</i>	1					
4.2	Tính hợp lý trong phân định chức năng, nhiệm vụ giữa các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở	2					ĐTXHH
4.3	Tình hình thực hiện quy chế làm việc của Sở	2					ĐTXHH

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định		
4.4	Tính hợp lý trong việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa Sở với địa phương	2					ĐTXHH
4.5	Xây dựng kế hoạch công tác hàng tháng của từng phòng, ban, đơn vị	1					
	<i>Có xây dựng: 1</i>						
	<i>Không xây dựng: 0</i>						
4.6	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao	4					
4.6.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	1					
	<i>Sử dụng không vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: 1</i>						
	<i>Sử dụng vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: 0</i>						
4.6.2	Thực hiện quy định về số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở	1					
	<i>Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao: 1</i>						
	<i>Sử dụng vượt quá số lượng người làm việc được giao: 0</i>						
4.6.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch tinh giản biên chế đã được phê duyệt	2					
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 2</i>						
	<i>Hoàn thành dưới 100% kế hoạch: 0</i>						
4.7	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các phòng, ban, đơn vị	1					
	<i>Số lượng cấp phó của người đứng đầu các phòng, ban, đơn vị không quá 01 người đối với phòng từ 5 - 10 biên chế; không quá 02 người đối với phòng từ 11 biên chế trở lên: 1</i>						
	<i>Số lượng cấp phó của người đứng đầu các phòng, ban, đơn vị vượt quá 01 người đối với phòng từ 5 - 10 biên chế; vượt quá 02 người đối với phòng từ 11 biên chế trở lên: 0</i>						
4.8	Thực hiện phân cấp quản lý	3					
4.8.1	Triển khai và thực hiện đầy đủ các nội dung quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ, Bộ, tỉnh ban hành	1					
	<i>Triển khai, thực hiện đầy đủ các quy định về phân cấp (thể hiện thông qua việc tham mưu ban hành hoặc các quyết định đã ban hành về phân cấp liên quan đến lĩnh vực của cơ quan): 1</i>						

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định		
	<i>Không triển khai hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định về phân cấp: 0</i>						
4.8.2	Kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở	1					
	<i>Có báo cáo đánh giá: 1</i>						
	<i>Không có báo cáo đánh giá: 0</i>						
4.8.3	Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra, đánh giá	1					
	<i>Không có sai phạm nào qua kiểm tra hoặc 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>						
	<i>Từ 80% đến dưới 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.5</i>						
	<i>Từ dưới 80% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý:</i>						
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	17					
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo Đề án vị trí việc làm	2					
5.1.1	Mức độ thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	2					
	<i>100% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 2</i>						
	<i>Từ 80% - dưới 100% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 1,5</i>						
	<i>Từ 60% - dưới 80% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 1</i>						
	<i>Dưới 60% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 0</i>						
5.2	Tuyển dụng công chức, viên chức	3					
5.2.1	Bố trí công chức đã được tuyển dụng theo đúng quy định của vị trí việc làm và ngạch công chức	1					
	<i>Đúng quy định: 1</i>						
	<i>Không đúng quy định: 0</i>						

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định		
	<i>Số lượng cấp phó của người đứng đầu các phòng, ban, đơn vị không quá 01 người đối với phòng từ 5 - 10 biên chế; không quá 02 người đối với phòng từ 11 biên chế trở lên: 1</i> <i>Số lượng cấp phó của người đứng đầu các phòng, ban, đơn vị vượt quá 01 người đối với phòng từ 5 - 10 biên chế; vượt quá 02 người đối với phòng từ 11 biên chế trở lên: 0</i>						
4.8	Thực hiện phân cấp quản lý	3					
4.8.1	Triển khai và thực hiện đầy đủ các nội dung quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ, Bộ, tỉnh ban hành	1					
	<i>Triển khai, thực hiện đầy đủ các quy định về phân cấp (thể hiện thông qua việc tham mưu ban hành hoặc các quyết định đã ban hành về phân cấp liên quan đến lĩnh vực của cơ quan): 1</i> <i>Không triển khai hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định về phân cấp: 0</i>						
4.8.2	Kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở	1					
	<i>Có báo cáo đánh giá: 1</i> <i>Không có báo cáo đánh giá: 0</i>						
4.8.3	Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra, đánh giá	1					
	<i>Không có sai phạm nào qua kiểm tra hoặc 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i> <i>Từ 80% đến dưới 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.5</i> <i>Từ dưới 80% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý:</i>						
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	17					
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo Đề án vị trí việc làm	2					
5.1.1	Mức độ thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	2					

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định		
	100% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 2						
	Từ 80% - dưới 100% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 1,5						
	Từ 60% - dưới 80% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 1						
	Dưới 60% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 0						
5.2	Tuyển dụng công chức, viên chức	3					
5.2.1	Bố trí công chức đã được tuyển dụng theo đúng quy định của vị trí việc làm và ngạch công chức	1					
	Đúng quy định: 1						
	Không đúng quy định: 0						
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng, bố trí viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở	2					
	Đúng quy định về tuyển dụng viên chức: 1						
	Đúng quy định về bố trí viên chức: 1						
	Không đúng quy định về tuyển dụng và bố trí viên chức: 0						
5.3	Thực hiện quy định về bổ nhiệm lãnh đạo phòng, ban, đơn vị thuộc Sở	1					
	100% lãnh đạo phòng, ban, đơn vị được bổ nhiệm đúng quy định: 1						
	Có lãnh đạo phòng, ban, đơn vị được bổ nhiệm không đúng quy định: 0						
5.4	Công tác đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức	3					
5.4.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	1					
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1						
	Dưới 100% kế hoạch: 0						
5.4.2	Thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức	1					

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định		
	<i>Thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị; không để xảy ra khiếu nại, kiến nghị liên quan đến chế độ, chính sách: 1</i>						
	<i>Thực hiện chưa đầy đủ các chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị: 0,5</i>						
	<i>Thực hiện không đúng hoặc để xảy ra khiếu nại, kiến nghị liên quan đến chế độ, chính sách: 0</i>						
5.5	Kết quả đánh giá cán bộ, công chức, viên chức	2					
	<i>100% cán bộ, công chức, viên chức được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ: 2</i>						
	<i>Từ 80% - dưới 100% cán bộ, công chức, viên chức được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ và không có cán bộ, công chức không hoàn thành nhiệm vụ: 1</i>						
	<i>Dưới 80% cán bộ, công chức, viên chức được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hoặc có cán bộ, công chức không hoàn thành nhiệm vụ: 0</i>						
5.6	Chất lượng công chức, viên chức	6					
5.6.1	Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của công chức, viên chức	2					ĐTXHH
5.6.2	Tình thần trách nhiệm đối với công việc của công chức, viên chức	2					ĐTXHH
5.6.3	Thái độ phục vụ của công chức, viên chức	2					ĐTXHH
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	7					
6.1	Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính	2					
6.1.1	Xây dựng, sửa đổi, bổ sung và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý, sử dụng tài sản công	1					
	<i>Xây dựng, sửa đổi, bổ sung và thực hiện quy chế đúng quy định: 1</i>						
	<i>Không xây dựng, không sửa đổi, bổ sung hoặc không thực hiện quy chế đúng quy định: 0</i>						
6.1.2	Công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công theo quy định	1					
	<i>Thực hiện công khai minh bạch theo đúng quy định: 1</i>						
	<i>Không công khai minh bạch hoặc công khai, minh bạch không đúng quy định: 0</i>						

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định		
6.2	Tác động của việc thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại Sở	2					ĐTXHH
6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở	2					
6.3.1	Tỷ lệ số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc triển khai thực hiện cơ chế <i>100% số đơn vị: 1</i> <i>Dưới 100% số đơn vị: 0</i>	1					
6.3.2	Tỷ lệ số đơn vị sự nghiệp xây dựng quy chế chỉ tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công <i>100% số đơn vị: 1</i> <i>Dưới 100% số đơn vị: 0</i>	1					
6.4	Tỷ lệ đơn vị SNCL thực hiện đúng quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm <i>100% số đơn vị SNCL thực hiện đúng quy định: 1</i> <i>Dưới 100% số đơn vị: 0</i>	1					
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	15					
7.1	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của Sở	13					Các đơn vị không tự chấm nội dung này, việc chấm điểm căn cứ kết quả đánh giá, xếp hạng theo Bộ tiêu chí về ứng dụng CNTT của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số	Ghi chú
			Điều tra XHH	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định		
7.2	Áp dụng ISO trong hoạt động	2					
7.2.1	Công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo TCVN ISO 9001	1					
	<i>Đã công bố theo quy định: 1</i>						
	<i>Chưa công bố: 0</i>						
7.2.2	Duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001 trong hoạt	1					
	<i>Duy trì, cải tiến đầy đủ, đúng quy định: 1</i>						
	<i>Duy trì, cải tiến nhưng chưa đầy đủ, đúng quy định: 0.5</i>						
	<i>Không duy trì, cải tiến: 0</i>						
8	THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG	5					
8.1	Tỷ lệ TTHC được giải quyết đúng hạn theo quy định	2					
	<i>95%-100% TTHC được giải quyết đúng hạn thì điểm tính theo công thức:</i> $\frac{(\text{Tỷ lệ TTHC giải quyết đúng hạn}) \times 2}{100\%}$						
	<i>Dưới 95% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0</i>						
8.2	Thái độ phục vụ, ứng xử của công chức tại Trung tâm Hành chính công	2					
	<i>Không có công chức vi phạm, không có đơn thư phản ánh về công chức gây khó khăn, phiền hà, sách nhiễu, về giao tiếp, ứng xử: 2</i>						
	<i>Có công chức vi phạm quy định về giao tiếp, ứng xử hoặc có đơn thư, phản ánh về công chức gây khó khăn, phiền hà, sách nhiễu: 0</i>						
8.3	Chấp hành nội quy, quy chế của công chức tại Trung tâm Hành chính công	1					
	<i>Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế: 1</i>						
	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện chưa nghiêm túc nội quy, quy chế: 0</i>						
	Cộng	100					